TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 83 /2022 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 20 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2022/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022, giữa:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 4, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 4, xã Thọ V, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 04 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 háng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn B.

- *Về con chung*: Chị T và anh B vợ chồng có 03 người con chung, tên các cháu là Trịnh Thị Thu Hương, sinh ngày 26/01/2008; Cháu Trịnh Minh Quang,

sinh ngày 21/4/2010 và cháu Trịnh Văn Hoàng Anh, sinh ngày 23/4/2018. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cho chị T tiếp tục nuôi 02 cháu Thu Hương và Hoàng Anh, giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh Quang cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung***:** Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận chị T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006514 ngày 18 tháng 03 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị T số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Thọ Dân
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị T